

Bản án số: 301/2024/HS-PT
Ngày: 28 - 6 - 2024

**NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN CẤP CAO TẠI ĐÀ NẴNG**

- Thành phần Hội đồng xét xử phúc thẩm gồm có:

<i>Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa:</i>	Ông Nguyễn Cường
<i>Các Thẩm phán:</i>	Ông Lê Tự Ông Trương Minh Tuấn

Thư ký phiên tòa: Bà Đinh Thị Thanh Yên, Thư ký Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng.

Đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng tham gia phiên tòa: Ông Nguyễn Chiến - Kiểm sát viên

Ngày 28 tháng 6 năm 2024, tại trụ sở Tòa án nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng xét xử phúc thẩm công khai vụ án hình sự thụ lý số 242/2024/TLPT-HS ngày 10 tháng 5 năm 2024 đối với bị cáo Võ Thị Cẩm L về tội “Tham ô tài sản”. Do có kháng cáo của bị cáo đối với Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa.

- Bị cáo có kháng cáo:

Võ Thị Cẩm L, sinh năm 1988 tại Khánh Hòa; địa chỉ: B Đ, V, N, Khánh Hòa; chỗ ở: H Trạm Đ, H, V, N, Khánh Hòa; quốc tịch: Việt Nam; dân tộc: Kinh; giới tính: Nữ; tôn giáo: Không; nghề nghiệp: Nội trợ; trình độ học vấn: 12/12; Con ông Võ B (1956) và bà Nguyễn Thị L1 (1962); chồng là Huỳnh Quốc T (1988), có 03 con, lớn nhất sinh năm 2013, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án, tiền sự: Không. Bị cáo bị áp dụng biện pháp “Cấm đi khỏi nơi cư trú”, có mặt tại phiên tòa.

- Người bào chữa cho bị cáo Võ Thị Cẩm L: Luật sư Lục Thị T1, Văn phòng L5, Đoàn Luật sư tỉnh K, bào chữa cho bị cáo theo chỉ định của Tòa án. Luật sư T1 có đơn xin vắng mặt và gửi Luận cứ bào chữa cho bị cáo.

Ngoài ra, trong vụ án còn có những người tham gia tố tụng khác không có kháng cáo, kháng nghị nên Tòa án không triệu tập.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Công ty TNHH P2 (gọi tắt là Công ty P2) được Sở Kế hoạch và Đầu tư tỉnh K cấp Giấy chứng nhận đăng ký kinh doanh vào ngày 18/11/2003, có trụ sở tại số B đường B, V, N, Khánh Hòa do ông Bùi Văn B1 làm Giám đốc là người đại diện theo pháp luật, ngành nghề kinh doanh: Kinh doanh trong lĩnh vực mua bán vật liệu xây dựng và trang trí nội thất trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa.

Trong khoảng thời gian từ tháng 03/2018 đến tháng 5/2021, Võ Thị Cẩm L là nhân viên kế toán bán hàng, kiêm nhân viên thị trường và nhân viên thu tiền công nợ của khách hàng cho Công ty P2. Trong quá trình thực hiện các công việc và nhiệm vụ nêu trên, Võ Thị Cẩm L đã lợi dụng quyền hạn, nhiệm vụ được giao để chiếm đoạt tài sản do L quản lý với cách thức: Sau khi thu tiền công nợ của các cửa hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa, L không nộp hoặc nộp không đầy đủ số tiền đã thu nợ của khách hàng vào quỹ của Công ty P2 theo quy định, đồng thời L đã giả chữ ký của Bùi Văn B1 và bà Vũ Thị Kim T2 (vợ ông B1) trong 144 quyển sổ theo dõi công nợ của Công ty P2 (đây là sổ theo dõi từng khoản thanh toán công nợ của Công ty P2 đối với từng cửa hàng vật liệu xây dựng trên địa bàn tỉnh Khánh Hòa) để chiếm đoạt số tiền **2.954.805.640đ**, cụ thể:

01. Cửa hàng V, địa chỉ: A đường B, N; số tiền **35.000.000đ**.
02. Cửa hàng V1, địa chỉ: F L, N; số tiền **5.000.000đ**.
03. Cửa hàng V2, địa chỉ: A Thái Nguyên, N; số tiền **23.679.000đ**.
04. Cửa hàng V3, địa chỉ: số F L, N; số tiền **27.954.000đ**.
05. Cửa hàng V4, địa chỉ: DT3 P, N; số tiền **55.000.000đ**.
06. Cửa hàng V5, địa chỉ: A L, V, N; số tiền **1.500.000đ**.
07. Cửa hàng V6, địa chỉ: G đường B, N; số tiền **46.532.000đ**.
08. Cửa hàng V7, địa chỉ: B N, N; số tiền **22.000.000đ**.
09. Cửa hàng V7, địa chỉ: P, thành phố N; số tiền **26.050.000đ**.
10. Cửa hàng V8, địa chỉ: 4 Lê Hồng P, N; số tiền **24.248.000đ**.
11. Cửa hàng V9, địa chỉ: A D, N; số tiền **3.000.000đ**.
12. Cửa hàng V10, địa chỉ: D D, N; số tiền **14.000.000đ**.
13. Cửa hàng vật liệu xây dựng Thiên B, địa chỉ: A đường B, N; số tiền **11.000.000đ**.
14. Cửa hàng V11, địa chỉ: B T, N; số tiền **18.000.000đ**.
15. Cửa hàng V12, địa chỉ: G Lê Hồng Phong N; số tiền **46.450.000đ**.
16. Cửa hàng V13, địa chỉ: E N, N; số tiền **10.000.000đ**.
17. Cửa hàng V14, địa chỉ: B T, N; số tiền **14.185.000đ**.
18. Cửa hàng V15, địa chỉ: H L, N; số tiền **6.561.000đ**.

19. Cửa hàng V1, địa chỉ: F đường B, N; số tiền **57.313.000đ.**
20. Cửa hàng V16, địa chỉ: số C T, N; số tiền **12.942.000đ.**
21. Cửa hàng V17, địa chỉ: B L, N số tiền **15.000.000đ.**
22. Cửa hàng V18, địa chỉ: D L, N; số tiền **22.806.000đ.**
23. Cửa hàng V19, địa chỉ: A Khu đô thị H, N; số tiền **14.179.600đ.**
24. Cửa hàng vật liệu xây dựng Lê Kim P1, địa chỉ: Lô F N, N; số tiền **11.270.000đ.**
25. Cửa hàng V15, địa chỉ: I đường A, Khu đô thị V, N; số tiền **54.215.000đ.**
26. Cửa hàng V7, địa chỉ: P, N, đã thu tiền công nợ của cửa hàng và giá chữ ký chiếm đoạt số tiền **6.462.000đ.**
27. Cửa hàng V20, địa chỉ: F L, N; số tiền **7.000.000đ.**
28. Cửa hàng V21, địa chỉ: Lô A, đường số B - VCN P, N; số tiền **11.000.000đ.**
29. Cửa hàng V22, địa chỉ: A D, P, N; số tiền **9.553.000đ.**
30. Cửa hàng V23, địa chỉ: A Đồng Nai, N; số tiền 9.032.000 đồng.
31. Cửa hàng vật liệu xây dựng Thư Đ, địa chỉ: Đ, V, N; số tiền **21.000.000đ.**
32. Cửa hàng V15, địa chỉ: Số G, Võ Thị S, V, N; số tiền **42.521.000đ.**
33. Cửa hàng V24, địa chỉ: A L, N; số tiền **20.000.000đ.**
34. Cửa hàng V25, địa chỉ: N; số tiền **5.878.000đ.**
35. Cửa hàng V26, địa chỉ: N; số tiền **64.519.440đ.**
36. Cửa hàng V27, địa chỉ: C L, N; số tiền **39.000.000đ.**
37. Cửa hàng V7, địa chỉ: đường B, N; số tiền **21.872.000đ.**
38. Cửa hàng V28, địa chỉ: D L, N; số tiền **9.000.000đ.**
39. Cửa hàng V8, địa chỉ: A H, D; số tiền **27.358.000đ.**
40. Cửa hàng V29, địa chỉ: D, D; số tiền **56.598.000đ.**
41. Cửa hàng vật liệu xây dựng K, địa chỉ: D, D; số tiền **17.721.600đ.**
42. Cửa hàng V30, địa chỉ: D, D; số tiền **16.818.000đ.**
43. Cửa hàng V31, địa chỉ: D, D; số tiền **50.029.000đ.**
44. Cửa hàng V2, địa chỉ: D, D; số tiền **11.534.000đ.**
45. Cửa hàng V27, địa chỉ: T, Diên L2, D; số tiền **3.780.000đ.**
46. Cửa hàng V32, địa chỉ: V, S, D; số tiền **17.336.000đ.**
47. Cửa hàng V33, địa chỉ: V, V, N; số tiền **10.000.000đ.**
48. Cửa hàng V34, địa chỉ: A T, D; số tiền **20.000.000đ.**

49. Cửa hàng V35, địa chỉ: V, V, N; số tiền **13.000.000đ.**
50. Cửa hàng V36, địa chỉ: D, D; số tiền **8.376.000đ.**
51. Cửa hàng V37, địa chỉ: A Đ, D, D; số tiền **7.654.000đ.**
52. Cửa hàng V38, địa chỉ: huyện D; số tiền **14.079.000đ.**
53. Cửa hàng V39, địa chỉ: D, D; số tiền **6.000.000đ.**
54. Cửa hàng V7, địa chỉ: D, D; số tiền **2.310.000đ.**
55. Cửa hàng V40, địa chỉ: TDP B, Cam Đ, C; số tiền **4.000.000đ.**
56. Cửa hàng V7, địa chỉ: Đ, Cam Đ, C; số tiền **51.652.000đ.**
57. Cửa hàng V41, địa chỉ: Cam A, C; số tiền **29.778.000đ.**
58. Cửa hàng V7, địa chỉ: TDP B, Cam Đ, C; số tiền **21.115.000đ.**
59. Cửa hàng V7, địa chỉ: C, Cam L3; số tiền **25.000.000đ.**
60. Cửa hàng V42, địa chỉ: T, Cam Thành B2, C; số tiền **23.000.000đ.**
61. Cửa hàng V33, địa chỉ: Cầu M, Đình Tiên H, C; số tiền **41.957.000đ.**
62. Cửa hàng V14, địa chỉ: C, Cam R; số tiền **18.026.000đ.**
63. Cửa hàng V43, địa chỉ: thị trấn K, K; số tiền **20.000.000đ.**
64. Cửa hàng V44, địa chỉ: C, Cam L3; số tiền **31.954.000đ.**
65. Cửa hàng V45, địa chỉ: C; số tiền **8.000.000đ.**
66. Cửa hàng V46, địa chỉ: C, Cam L3; số tiền **31.174.000đ.**
67. Cửa hàng V47, địa chỉ: C, Cam L3; số tiền **8.064.000đ.**
68. Cửa hàng V48, địa chỉ: TDP S, B, C; số tiền **2.000.000đ.**
69. Cửa hàng V49, địa chỉ: TDP T, C, C; số tiền **10.000.000đ.**
70. Cửa hàng V49, địa chỉ: C, Cam R; số tiền **19.000.000đ.**
71. Cửa hàng V4, địa chỉ: C; **11.432.000đ.**
72. Cửa hàng V13, địa chỉ: B Đại lộ H, B, C; số tiền **6.823.000đ.**
73. Cửa hàng V49, địa chỉ: B Đại lộ H, B, C; số tiền **5.923.000đ.**
74. Cửa hàng V50, địa chỉ: C, Cam L3; số tiền **10.074.000đ.**
75. Cửa hàng V22, địa chỉ: C, Cam L3; số tiền **26.961.000đ.**
76. Cửa hàng vật liệu xây dựng Minh N1, địa chỉ: C; số tiền **11.172.000đ.**
77. Cửa hàng V51, địa chỉ: Tỉnh Lộ 9, Cam Phước Đ1, C; số tiền **30.793.000đ.**
78. Cửa hàng V52, địa chỉ: A Đ, TDP L, C, C; số tiền **38.062.000đ.**
79. Cửa hàng V46, địa chỉ: TDP L, C, C; số tiền **45.000.000đ.**
80. Cửa hàng V53, địa chỉ: P, Cam Phúc N2, C; số tiền **33.680.000đ.**
81. Cửa hàng V8, địa chỉ: G N, Cam Phúc B3, C; số tiền **32.989.000đ.**

82. Cửa hàng V20, địa chỉ: C P, C, C; số tiền **10.000.000đ.**
83. Cửa hàng V26, địa chỉ: C N, B, C; số tiền **25.152.000đ.**
84. Cửa hàng V14, địa chỉ: Tỉnh Lộ 9, Cam Phước Đ1, C; số tiền **11.000.000đ.**
85. Cửa hàng V54, địa chỉ: TDP N, C, C; số tiền **56.108.000đ.**
86. Cửa hàng V16, địa chỉ: A Đại Lộ H, C, C; số tiền **2.500.000đ.**
87. Cửa hàng V32, địa chỉ: F T, N, N; số tiền **30.770.000đ.**
88. Cửa hàng V1, địa chỉ: N, N; số tiền **7.179.000đ.**
89. Cửa hàng V55, địa chỉ: thị xã N; số tiền **8.416.000đ.**
90. Cửa hàng vật liệu xây dựng Vũ Sơn H1, địa chỉ: N, N; số tiền **27.164.000đ.**
91. Cửa hàng V50, địa chỉ: N, N; số tiền **82.685.000đ.**
92. Cửa hàng V56, địa chỉ: N, N, số tiền **28.500.000đ.**
93. Cửa hàng V57, địa chỉ: N, N; số G, N; số tiền **27.907.000đ.**
94. Cửa hàng vật liệu xây dựng Bôn N3, địa chỉ: TDP T, N, N; số tiền: **23.312.000đ.**
95. Cửa hàng vật liệu xây dựng Phúc An Ninh T, địa chỉ: N, N; số tiền **61.220.000đ.**
96. Cửa hàng V58, địa chỉ: thị xã N; số tiền **15.724.000đ.**
97. Cửa hàng V59, địa chỉ: TDP A, N, N; số tiền **3.500.000đ.**
98. Cửa hàng V60, địa chỉ: L, N, N; số tiền **17.700.000đ.**
99. Cửa hàng V46, địa chỉ: TDP A, N, N; số tiền **15.000.000đ.**
100. Cửa hàng V61 (Nguyễn Ngọc T3), địa chỉ: V, N, N, số tiền **33.365.000đ.**
101. Cửa hàng V27, địa chỉ: Tổ A, Quốc lộ A, N, N; số tiền **17.008.000đ.**
102. Cửa hàng V62, địa chỉ: L, xã N, N; số tiền **20.000.000đ.**
103. Cửa hàng V63, địa chỉ: L, N, N; số tiền **27.672.000đ.**
104. Cửa hàng V64, địa chỉ: N, N; số tiền **32.033.000đ.**
105. Cửa hàng V42, địa chỉ: V, Ninh X, N; số tiền **7.000.000đ.**
106. Cửa hàng V65, địa chỉ: Quốc lộ A, TDP H, N, N; số tiền **3.283.000đ.**
107. Cửa hàng V39 (Hò N), địa chỉ: N, N; số tiền **4.000.000đ.**
108. Cửa hàng V66, địa chỉ: TDP D, N, N; số tiền **21.000.000đ.**
109. Cửa hàng V67, địa chỉ: TDP T, N, N; số tiền **51.251.000đ.**
110. Cửa hàng V46, địa chỉ: P, Ninh X, N; số tiền **10.000.000đ.**

111. Cửa hàng V68 (Nguyễn Tuấn M), địa chỉ: T, N, N; số tiền **34.537.000đ.**

112. Cửa hàng V69, địa chỉ: N, N; số tiền **12.500.000đ.**

113. Cửa hàng V70, địa chỉ: thôn B, Ninh Sơn N; số tiền **38.000.000đ.**

114. Cửa hàng V71, địa chỉ: N, N; số tiền **56.000.000đ.**

115. Cửa hàng V72, địa chỉ: T, Ninh Q, N; số tiền **5.000.000đ.**

116. Cửa hàng V73, địa chỉ: L, N, N; số tiền **17.066.000đ.**

117. Cửa hàng V74, địa chỉ: N, N; số tiền **11.000.000đ.**

118. Cửa hàng V75, địa chỉ: A, Quốc lộ A, Văn Đ2, V, N; số tiền **22.111.000đ.**

119. Cửa hàng V76, địa chỉ: thị xã N; số tiền **39.417.000đ.**

120. Cửa hàng V12, địa chỉ: TDP P, N, N; số tiền **10.000.000đ.**

121. Cửa hàng vật liệu xây dựng Mùa H2, địa chỉ: N, N; số tiền **10.000.000đ.**

122. Cửa hàng V1, địa chỉ: N, N; số tiền **9.480.000đ.**

123. Cửa hàng V77, địa chỉ: X, V, h V; số tiền **4.000.000đ.**

124. Cửa hàng V34, địa chỉ: A N, V, V; số tiền **16.506.000đ.**

125. Cửa hàng V15, địa chỉ: T, Vạn L4, V; số tiền **35.067.000đ.**

126. Cửa hàng V7, địa chỉ: V, V; số tiền **30.663.000đ.**

127. Cửa hàng V15, địa chỉ: V, V; số tiền **10.722.000đ.**

128. Cửa hàng V46, địa chỉ: G L, V, V; số tiền **13.776.000đ.**

129. Cửa hàng V78, địa chỉ: V, V; số tiền **52.000.000đ.**

130. Cửa hàng V7, địa chỉ: V, V; số tiền **36.002.000đ.**

131. Cửa hàng V1, địa chỉ: V, V; số tiền **13.105.000đ.**

132. Cửa hàng V79, địa chỉ: X, Vạn H3, V; số tiền **15.000.000đ.**

133. Cửa hàng V7, địa chỉ: V, V; số tiền **4.000.000đ.**

134. Cửa hàng V7, địa chỉ: V, Vạn N4; đã thu tiền công nợ của cửa hàng và giả chữ ký chiếm đoạt số tiền **5.000.000đ.**

135. Cửa hàng V80, địa chỉ: A N, V, V; số tiền **12.050.000đ.**

136. Cửa hàng V81, địa chỉ: V, V; số tiền **10.160.000đ.**

137. Cửa hàng V82 - Địa chỉ: D, huyện V, tỉnh Khánh Hòa; đã thu tiền công nợ của cửa hàng và giả chữ ký chiếm đoạt tổng số tiền **26.250.000đ.**

Tại Bản án hình sự sơ thẩm số 30/2024/HS-ST ngày 26 tháng 3 năm 2024 của Tòa án nhân dân tỉnh Khánh Hòa đã quyết định:

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thị Cẩm L.

Áp dụng Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm L 16 (mười sáu) năm tù về tội “Tham ô tài sản”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Ngoài ra, Bản án sơ thẩm còn quyết định về trách nhiệm dân sự, quy định về thi hành án, án phí hình sự sơ thẩm và thông báo về quyền kháng cáo.

Ngày 27/3/2024, bị cáo Võ Thị Cẩm L có đơn kháng cáo xin giảm nhẹ hình phạt.

Tại phiên toà, đại diện Viện kiểm sát nhân dân cấp cao tại Đà Nẵng đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm căn cứ vào điểm a khoản 1 Điều 355; Điều 356 Bộ luật tố tụng hình sự: Không chấp nhận kháng cáo của bị cáo, giữ nguyên Bản án sơ thẩm về hình phạt đối với bị cáo.

Trong luận cứ bào chữa, Luật sư bào chữa cho bị cáo đề nghị Hội đồng xét xử phúc thẩm xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt vì bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ và có tình tiết giảm nhẹ mới “người phạm tội là phụ nữ có thai”.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, xem xét ý kiến của Luật sư và quan điểm của Viện kiểm sát, Hội đồng xét xử phúc thẩm nhận định như sau:

[1] Tại phiên toà phúc thẩm hôm nay, bị cáo Võ Thị Cẩm L thừa nhận hành vi và tội danh như Toà án cấp sơ thẩm xét xử là đúng, chỉ giữ nguyên nội dung kháng cáo xin giảm hình phạt.

[2] Tại phiên tòa, bị cáo khai nhận toàn bộ hành vi phạm tội đã thực hiện, lời khai nhận của các bị cáo phù hợp với các tài liệu, chứng cứ được Cơ quan Cảnh sát điều tra thu thập có trong hồ sơ vụ án. Như vậy, có đủ cơ sở để kết luận: Trong khoảng thời gian từ tháng 3/2018 đến tháng 5/2021, lợi dụng quyền hạn, nhiệm vụ được giao là nhân viên kế toán bán hàng, nhân viên thị trường và kiêm nhân viên thu tiền công nợ của khách hàng, Võ Thị Cẩm L đã chiếm đoạt số tiền **2.954.805.640đ** của Công ty TNHH P2 mà L có trách nhiệm quản lý.

Với hành vi phạm tội đó, Toà án cấp sơ thẩm đã xét xử bị cáo Võ Thị Cẩm L về tội “Tham ô tài sản” theo điểm a khoản 4 Điều 353 của Bộ luật hình sự là có căn cứ, đúng pháp luật.

[3] Xét kháng cáo xin giảm hình phạt của bị cáo, Hội đồng xét xử phúc thẩm thấy rằng: Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội, đã xâm phạm đến tài sản của người khác trái pháp luật, gây hoang mang và bức xúc trong dư luận

quần chúng nhân dân. Bị cáo đã nhiều lần thực hiện hành vi phạm tội, thể hiện ý thức xem thường pháp luật nên cần xử phạt nghiêm. Tuy nhiên, quá trình điều tra, giải quyết vụ án, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải; đã bồi thường cho bị hại và được bị hại xin giảm nhẹ hình phạt; bị cáo có nhân thân tốt, lần đầu phạm tội. Do đó, Toà án cấp sơ thẩm vận dụng hướng dẫn tại Nghị quyết số 03/2022/NQ-HĐTP của Hội đồng thẩm phán Tòa án nhân dân tối cao để xem xét giảm cho bị cáo một phần hình phạt và áp dụng Điều 54 của Bộ luật hình sự xử phạt bị cáo dưới mức thấp nhất của khung hình phạt là phù hợp.

Tuy nhiên, bị cáo thực hiện hành vi phạm tội trong khoảng thời gian từ tháng 3 năm 2018 đến tháng 5 năm 2021; Ngày 27 tháng 5 năm 2022, Văn phòng cơ quan Cảnh sát điều tra Công an tỉnh K có Quyết định khởi tố vụ án số 76/QĐ-VPCQCSĐT (Đ3) (BL-01); Ngày 14/8/2022 bị cáo sinh con thứ ba là cháu Huỳnh Võ Anh T4 (theo Giấy khai sinh do UBND xã V, huyện V, tỉnh Khánh Hòa cấp ngày 29/8/2022, BL-1893); ngày 26/3/2024, Toà án đưa bị cáo ra xét xử sơ thẩm. Do đó, theo quy định tại điểm 9, khoản 1, phần I, Giải đáp số 212/TANDTC-PC ngày 13/9/2019 của Toà án nhân dân Tối cao *“Quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự không phân biệt người phạm tội là phụ nữ có thai tại thời điểm phạm tội hay trong quá trình truy cứu trách nhiệm hình sự. Do đó, trường hợp sau khi bị khởi tố bị cáo mới có thai thì Toà án vẫn áp dụng tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự “Người phạm tội là phụ nữ có thai” với bị cáo.* Trường hợp này, vụ án được khởi tố vào ngày 27/5/2022, bị cáo sinh con ngày 14/8/2022. Do vậy, bị cáo Võ Thị Cẩm L được hưởng tình tiết giảm nhẹ quy định tại điểm n khoản 1 Điều 51 Bộ luật hình sự. Đây là tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự mới, Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo.

Mặt khác, trong vụ án này, phần dân sự được quyết định trong Bản án sơ thẩm bị cáo đã nộp tiền bồi thường xong, do vậy cần áp dụng nguyên tắc xử lý quy định tại Điều 3 Bộ luật hình sự *khoan hồng đối với người tự thú, đầu thú, thành khẩn khai báo,...ăn năn hối cải, tự nguyện sửa chữa hoặc bồi thường thiệt hại gây ra.*

Theo đơn trình bày của ông Võ B là cha ruột của bị cáo Võ Thị Cẩm L (có xác nhận của UBND xã V, thành phố N), thì hiện nay bị cáo và ba con nhỏ không có nhà ở, ở nhà thuê, hoàn cảnh khó khăn nên bị cáo Võ Thị Cẩm L về ở với gia đình ông bà Võ B để chăm sóc cha mẹ già và đang nuôi con nhỏ (sinh ngày 14/8/2022).

Xét thấy, bị cáo có nhiều tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự (các điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Bộ luật hình sự) trong đó có tình tiết giảm nhẹ mới (điểm n khoản 1 Điều 51 BLHS) và các tình tiết giảm nhẹ quy định tại khoản 2 Điều 51 Bộ luật hình sự mà Toà án cấp sơ thẩm chưa áp dụng cho bị cáo (*hiện nay bị cáo đang nuôi con nhỏ dưới 36 tháng tuổi; hoàn cảnh gia đình rất khó khăn*); bị cáo rất thành khẩn, thể hiện đã nộp tiền án phí sơ thẩm hình sự và dân sự theo Bản án sơ thẩm đã tuyên (các biên lai thu số 0001168 ngày 24/6/2024 và số 0001171 ngày 25/6/2024 của Cục Thi hành án dân sự tỉnh Khánh Hòa). Do vậy, Hội đồng xét xử phúc thẩm chấp nhận kháng cáo của bị cáo, sửa Bản án sơ thẩm, áp dụng Điều 54 Bộ luật hình sự, giảm cho bị cáo một phần hình phạt.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Do kháng cáo được chấp nhận nên bị cáo không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm theo quy định tại Điều 136 BLTTHS và Nghị quyết 326/2016/NQ-UBTVQH quy định về án phí, lệ phí Tòa án.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào điểm b khoản 1 Điều 355; Điểm c khoản 1 Điều 357 Bộ luật tố tụng hình sự: Chấp nhận kháng cáo của bị cáo Võ Thị Cẩm L, sửa Bản án sơ thẩm.

Áp dụng điểm a khoản 4 Điều 353; điểm b, s, n khoản 1, khoản 2 Điều 51; điểm g khoản 1 Điều 52; Điều 54 của Bộ luật Hình sự đối với bị cáo Võ Thị Cẩm L.

Áp dụng Điều 136 Bộ luật tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Tuyên xử:

Xử phạt bị cáo Võ Thị Cẩm L **15 (mười lăm)** năm tù về tội “*Tham ô tài sản*”. Thời hạn chấp hành hình phạt tù tính từ ngày bắt giam thi hành án.

Về án phí hình sự phúc thẩm: Bị cáo Võ Thị Cẩm L không phải chịu án phí hình sự phúc thẩm.

Các quyết định khác của Bản án sơ thẩm không bị kháng cáo kháng nghị đã có hiệu lực pháp luật kể từ ngày hết thời hạn kháng cáo kháng nghị.

Bản án phúc thẩm có hiệu lực pháp luật kể từ ngày tuyên án.

Nơi nhận:

- Vụ Giám đốc kiểm tra I - TAND tối cao;
- VKSND cấp cao tại Đà Nẵng;
- TAND tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSĐT - Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Phòng HSNV - Công an tỉnh Khánh Hoà;
- Cơ quan CSTHAHS - CA tỉnh Khánh Hoà;
- Sở Tư pháp tỉnh Khánh Hoà;
- Cục THADS tỉnh Khánh Hoà;
- Bị cáo;
- Người tham gia tố tụng khác;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ PHÚC THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

(Đã ký)

Nguyễn Cường